

Lý Thuyết Và Bài Tập Ôn Thi HK2 Tin Học 11

A.Hình Thức: tự luận (phần lập trình)

B.Nội Dung:

I. Lý thuyết:

1. Bài 11: Kiểu mảng(mảng một chiều)

- Khái niệm và **cách khai báo**.
- Một số bài tập ví dụ, bài tập thực hành về mảng một chiều.

2. Bài 12: Kiểu xâu:

- Khái niệm, **khai báo** và các thao tác xử lí xâu.
- Một số bài tập ví dụ, bài tập thực hành về xâu.

3. Bài Bài 14 +15: Kiểu dữ liệu và Thao tác với tệp:

- **Khai báo biến tệp** và các thao tác với tệp(gắn biến tệp, mở tệp, đọc/ghi dữ liệu)
- Một số bài tập thao tác với tệp(đọc dữ liệu từ tệp, ghi dữ liệu ra tệp).

4. Bài 17: Chương trình con và phân loại chương trình con

- Khái niệm chương trình con.
- **Phân loại và cấu trúc chương trình con:** khái niệm hàm và thủ tục.

5. Bài 18: Cách viết và sử dụng chương trình con:

- Cách viết và sử dụng thủ tục: cấu trúc của thủ tục.
- Cách viết và sử dụng hàm: cấu trúc của hàm.

II. Lập Trình: Sử dụng toàn bộ kiến thức đã học từ bài 1 đến bài 17 để giải quyết các dạng bài toán như:

1. Viết chương trình tính diện tích hình vuông, cạnh a nhập từ bàn phím.
2. Viết chương trình tính diện tích hình tròn, bán kính r nhập từ bàn phím.
3. Viết chương trình tính diện tích hình tam giác, cạnh đáy a, đường cao h được nhập từ bàn phím.
4. Viết chương trình thực hiện các yêu cầu sau:
 - Nhập vào 3 số thực.
 - In 3 số thực vừa nhập ra màn hình.
 - Tìm và in ra số lớn nhất.

- Tính tổng 3 số thực và in kết quả ra màn hình.
 - Cho biết có bao nhiêu số âm.
5. Viết chương trình thực hiện các yêu cầu sau:
- Nhập mảng một chiều các số nguyên.
 - In mảng một chiều các số nguyên vừa nhập.
 - In ra các phần tử có giá trị chẵn (in số chẵn)
 - Tính tổng các phần tử có giá trị dương và in kết quả ra màn hình.
 - Đếm có bao nhiêu phần tử có giá trị lẻ.

Bài Tập Ôn Thi:

0001: Việc đầu tiên để tạo lập một CSDL quan hệ là :

- A. Tạo ra một hay nhiều biểu mẫu
- B. Tạo ra một hay nhiều báo cáo
- C. Tạo ra một hay nhiều mẫu hỏi
- D. Tạo ra một hay nhiều bảng

0002: Thao tác nào sau đây *không* thuộc loại tạo lập CSDL quan hệ?

- A. Tạo cấu trúc bảng
- B. Chọn khoá chính
- C. Đặt tên bảng và lưu cấu trúc bảng
- D. Nhập dữ liệu ban đầu

0005: Thao tác nào sau đây *không* phải là thao tác cập nhật dữ liệu?

- A. Nhập dữ liệu ban đầu
- B. Sửa những dữ liệu chưa phù hợp
- C. Thêm bản ghi
- D. Sao chép CSDL thành bản sao dự phòng

0006: Chính sửa dữ liệu là:

- A. Xoá một số quan hệ
- B. Xoá giá trị của một vài thuộc tính của một bộ
- C. Thay đổi các giá trị của một vài thuộc tính của một bộ
- D. Xoá một số thuộc tính

0007: Xoá bản ghi là :

- A. Xoá một hoặc một số quan hệ
- B. Xoá một hoặc một số cơ sở dữ liệu
- C. Xoá một hoặc một số bộ của bảng
- D. Xoá một hoặc một số thuộc tính của bảng

0008: Thao tác nào sau đây *không* là khai thác CSDL quan hệ?

- A. Sắp xếp các bản ghi
- B. Thêm bản ghi mới
- C. Kết xuất báo cáo
- D. Xem dữ liệu

0009: Khai thác CSDL quan hệ có thể là:

- A. Tạo bảng, chỉ định khóa chính, tạo liên kết
- B. Đặt tên trường, chọn kiểu dữ liệu, định tính chất trường
- C. Thêm, sửa, xóa bản ghi
- D. Sắp xếp, truy vấn, xem dữ liệu, kết xuất báo cáo

0010: Hai bảng trong một CSDL quan hệ được liên kết với nhau bởi các khóa. Điều khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Các khóa liên kết phải là khóa chính của mỗi bảng
- B. Trong các khóa liên kết phải có ít nhất một khóa là khóa chính ở một bảng nào đó

- C. Trong các khóa liên kết có thể không có khóa chính nào tham gia
- D. Tất cả đều đúng

0011: Truy vấn cơ sở dữ liệu là gì?

- A. Là một đối tượng có khả năng thu thập thông tin từ nhiều bảng trong một CSDL quan hệ
- B. Là một dạng bộ lọc
- C. Là một dạng bộ lọc; có khả năng thu thập thông tin từ nhiều bảng trong một CSDL quan hệ
- D. Là yêu cầu máy thực hiện lệnh gì đó

0012: : Chức năng của mẫu hỏi (Query) là:

- A. Tổng hợp thông tin từ nhiều bảng
- B. Sắp xếp, lọc các bản ghi
- C. Thực hiện tính toán đơn giản
- D. Tất cả các chức năng trên

0014: Hai bảng trong một CSDL quan hệ liên kết với nhau thông qua :

- A. Địa chỉ của các bảng
- B. Thuộc tính khóa
- C. Tên trường
- D. Thuộc tính của các trường được chọn (không nhất thiết phải là khóa)

0015: Trong bảng sau đây, mỗi học sinh chỉ có một mã số (Mahs)

Mahs	HoTen	Ngaysinh	Lop	Diachi	Toan	Li	Hoa
0001	Tran Van Thanh	1 - 2 - 1990	12A	Nội trú	10	9	8
0002	Tran Van Thanh	1 - 2 - 1990	12A	20 Lê Lợi	9	10	5
0003	Tran Van Thanh	1 - 2 - 1990	12B	Nội trú	7	7	7

Khoá chính của bảng là:

- A. Khoá chính = {Mahs}
- B. Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi, Toan}
- C. Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi, Li}
- D. Khoá chính = {HoTen, Ngaysinh, Lop, Diachi}

0016: Giả sử một bảng có 2 trường SOBH (số bảo hiểm) và HOTEN (họ tên) thì nên chọn trường SOBH làm khoá chính hơn vì :

- A. Trường SOBH là duy nhất, trong khi đó trường HOTEN không phải là duy nhất
- B. Trường SOBH là kiểu số, trong khi đó trường HOTEN không phải là kiểu số
- C. Trường SOBH đứng trước trường HOTEN
- D. Trường SOBH là trường ngắn hơn

0017: : Danh sách của mỗi phòng thi gồm có các trường : STT, Họ tên học sinh, Số báo danh, phòng thi. Ta chọn khoá chính là :

- A. STT
- B. Số báo danh
- C. Phòng thi
- D. Họ tên học sinh

0018: Khi cập nhật dữ liệu vào bảng, ta không thể để trống trường nào sau đây?

- A. Khoá chính
- B. Khoá và khoá chính
- C. Khoá chính và trường bắt buộc điền dữ liệu
- D. Tất cả các trường của bảng

0019: Phát biểu nào sai trong các phát biểu sau khi nói về khoá chính?

- A. Một bảng có thể có nhiều khoá chính
- B. Mỗi bảng có ít nhất một khoá
- C. Xác định khoá phụ thuộc vào quan hệ logic của các dữ liệu chứ không phụ thuộc vào giá trị các dữ liệu
- D. Nên chọn khoá chính là khoá có ít thuộc tính nhất

0020: Khẳng định nào là sai khi nói về khoá?

- A. Khoá là tập hợp tất cả các thuộc tính trong bảng để phân biệt được các cá thể
- B. Khoá là tập hợp tất cả các thuộc tính vừa đủ để phân biệt được các cá thể

C. Khoá chỉ là một thuộc tính trong bảng được chọn làm khoá

D. Khoá phải là các trường STT

0021: Cho bảng dữ liệu sau:

Số thẻ	Mã số sách	Ngày mượn	Ngày trả
TV-02	TO - 012	5 - 9 - 2007	30 - 9 - 2007
	TN - 103	22 - 10 - 2007	25 - 10 - 2007
TV-04	TN - 103	12 - 9 - 2007	15 - 9 - 2007
TV02	TN - 102	24 - 9 - 2007	5 - 10 - 2007
TV01	TO - 012	5 - 10 - 2007	

Bảng này không là một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ, vì:

A. Độ rộng các cột không bằng nhau

B. Có hai bản ghi có cùng giá trị thuộc tính số thẻ là TV - 02

C. Một thuộc tính có tính đa trị

D. Có bản ghi chưa đủ các giá trị thuộc tính

0022: Cho bảng dữ liệu sau:

Số thẻ	Mã số sách	Ngày mượn - trả	
		Ngày mượn	Ngày trả
TV-02	TO - 012	5 - 9 - 2007	30 - 9 - 2007
TV-04	TN - 103	12 - 9 - 2007	15 - 9 - 2007
TV-02	TN - 102	24 - 9 - 2007	5 - 10 - 2007
TV-01	TO - 012	12 - 10 - 2007	12 - 10 - 2007

Có các lí giải nào sau đây cho rằng bảng đó không phải là một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ?

A. Tên các thuộc tính bằng chữ Việt

B. Không có thuộc tính tên người mượn

C. Có một cột thuộc tính là phức hợp

D. Số bản ghi quá ít.

0023: Đặc điểm nào sau đây là đặc trưng của một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ?

A. Các bộ là phân biệt và thứ tự các bộ không quan trọng

B. Quan hệ không có thuộc tính đa trị hay phức tạp

C. Mỗi thuộc tính có một tên phân biệt và thứ tự các thuộc tính là quan trọng

D. Tên của các quan hệ có thể trùng nhau

0024: Phát biểu nào trong các phát biểu sau là sai khi nói về miền?

A. Các miền của các thuộc tính khác nhau không nhất thiết phải khác nhau

B. Mỗi một thuộc tính có thể có hai miền trở lên

C. Hai thuộc tính khác nhau có thể cùng miền

D. Miền của thuộc tính họ tên thường là kiểu text

0025: Thuật ngữ “thuộc tính” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng:

A. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính

B. Bảng

C. Hàng

D. Cột

0026: Thuật ngữ “bộ” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng:

A. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính

B. Bảng

C. Hàng

D. Cột

0027: Thuật ngữ “quan hệ” dùng trong hệ CSDL quan hệ là để chỉ đối tượng:

A. Kiểu dữ liệu của một thuộc tính

B. Bảng

C. Hàng

D. Cột

0028: Thao tác trên dữ liệu có thể là:

A. Sửa bản ghi

B. Thêm bản ghi

C. Xoá bản ghi

D. Tất cả đáp án trên

0029: Các khái niệm dùng để mô tả các yếu tố nào sẽ tạo thành mô hình dữ liệu quan hệ?


- A. Cấu trúc dữ liệu
 B. Các ràng buộc dữ liệu
 C. Các thao tác, phép toán trên dữ liệu
D. Tất cả câu trên

0030: Mô hình phổ biến để xây dựng CSDL quan hệ là:

- A. Mô hình phân cấp
 B. Mô hình dữ liệu quan hệ
 C. Mô hình hướng đối tượng
 D. Mô hình cơ sở quan hệ

0033: Trình tự thao tác để tạo mẫu hỏi bằng cách tự thiết kế, biết:

(1) Chọn bảng hoặc mẫu hỏi khác làm dữ liệu nguồn

(2) Nháy nút 

(3) Nháy đúp vào Create query in Design view

(4) Chọn các trường cần thiết trong dữ liệu nguồn để đưa vào mẫu hỏi

(5) Mô tả điều kiện mẫu hỏi ở lưới QBE

- A. (1) -> (3) -> (4) -> (5) ->(2)
 B. (3) -> (1) -> (4) -> (5) ->(2)
 C. (3) -> (1) -> (5) -> (4) ->(2)
 D. (3) -> (4) -> (5) -> (1) ->(2)

0034: Trong cửa sổ CSDL đang làm việc, để mở một mẫu hỏi đã có, ta thực hiện :

- A. Queries/ Nháy đúp vào tên mẫu hỏi.
 B. Queries/ nháy nút Design.
 C. Queries/ Create Query by using Wizard
 D. Queries/ Create Query in Design Wiew.

0035: Nếu thêm nhầm một bảng làm dữ liệu nguồn trong khi tạo mẫu hỏi, để bỏ bảng đó khỏi cửa sổ thiết kế, ta thực hiện:

- A. Edit→ Delete
 B. Query→ Remove Table
 C. Chọn bảng cần xóa rồi nhấn phím Backspace
 D. Tất cả đều đúng

0038: Bảng DIEM có các trường MOT_TIET, HOC_KY. Để tìm những học sinh có điểm một tiết trên 7 và điểm thi học kỳ trên 5, trong dòng Criteria của trường HOC_KY, biểu thức điều kiện nào sau đây là đúng:

- A. MOT_TIET > 7 AND HOC_KY >5
 B. [MOT_TIET] > 7 AND [HOC_KY]>5
 C. [MOT_TIET] > 7 OR [HOC_KY]>5
 D. [MOT_TIET] > "7" AND [HOC_KY]>"5"

0039: Kết quả thực hiện mẫu hỏi có thể tham gia vào việc tạo ra:

- A. Bảng, biểu mẫu, mẫu hỏi hay báo cáo
 B. Bảng, biểu mẫu khác, mẫu hỏi khác hay các trang khác
C. Bảng, biểu mẫu, mẫu hỏi khác hay báo cáo
 D. Bảng, biểu mẫu, mẫu hỏi khác

0040: Nếu những bài toán phức tạp, liên quan tới nhiều bảng, ta sử dụng:

- A. Mẫu hỏi B. Bảng C. Báo cáo D. Biểu mẫu

0041: : Khi liên kết bị sai, ta có thể sửa lại bằng cách chọn đường liên kết cần sửa, sau đó:

- A. Nháy đúp vào đường liên kết → chọn lại trường cần liên kết
 B. Edit → RelationShip
 C. Tools → RelationShip → Change Field
 D. Chọn đường liên kết giữa hai bảng đó và nhấn phím Delete

0042: Điều kiện cần để tạo được liên kết là:


- A. Phải có ít nhất hai bảng
 B. Phải có ít nhất một bảng và một mẫu hỏi
 C. Phải có ít nhất một bảng mà một biểu mẫu
 D. Tổng số bảng và mẫu hỏi ít nhất là 2


0043: Trong Access, khi tạo liên kết giữa các bảng, thì :


- A. Phải có ít nhất một trường là khóa chính
 B. Cả hai trường phải là khóa chính
 C. Hai trường không nhất thiết phải là khóa chính
 D. Một trường là khóa chính, một trường không

0045: Để làm việc trong chế độ biểu mẫu, ta không thực hiện thao tác nào sau đây?

A. Nháy đúp chuột lên tên biểu mẫu

C. Nháy nút , nếu đang ở chế độ thiết kế

B. Chọn biểu mẫu rồi nháy nút 

D. Nháy nút , nếu đang ở chế độ thiết kế

0046: Thao tác nào sau đây có thể thực hiện được trong chế độ biểu mẫu?


A. Thêm một bản ghi mới



C. Tạo thêm các nút lệnh



B. Định dạng font chữ cho các trường dữ liệu

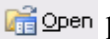

D. Thay đổi vị trí các trường dữ liệu

0047: Để làm việc trong chế độ thiết kế của biểu mẫu, ta thực hiện:

A. Chọn biểu mẫu rồi nháy nút 

B. Chọn biểu mẫu rồi nháy nút  hoặc nháy nút  nếu đang ở chế độ biểu mẫu

C. Chọn biểu mẫu rồi nháy nút  và nháy nút  nếu đang ở chế độ thiết kế

D. Chọn biểu mẫu rồi nháy nút  hoặc nháy nút  nếu đang ở chế độ thiết kế

0048: : Trong chế độ thiết kế của biểu mẫu, ta có thể:

A. Sửa đổi cấu trúc của biểu mẫu

C. Nhập và sửa dữ liệu

B. Sửa đổi dữ liệu

D. Xem, sửa, xóa và nhập dữ liệu